

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP CĐ.KML 07

STT	Họ và tên		Năm sinh	2	3	5	2	6	3	3	2	2	23	Xếp loại học lực	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
				GDTC	QPAN	CT	PL	AV	TH	COKT	VKT	CS	TB			
												KTĐ	Học kì			
1	Thạch Trường	An	19/11/1998	8.3	7.5	6.5	6.7	6.3	8.0	6.7	5.9	6.0	6.6	TB Khá	Tốt	
2	Nguyễn Thế	Anh	10/9/1998	7.3	7.0	6.2	4.6	5.4	7.9	4.8	1.7	5.6	5.4	Trung Bình	Trung bình	*
3	Dương Quách	Anh	28/5/1999	8.8	6.8	5.8	5.7	6.8	7.9	7.3	0.5	5.6	6.0	TB Khá	Khá	*
4	Phạm Văn	Chiêu	17/01/1999	8.5	7.3	7.3	7.3	6.2	7.6	7.1	5.5	6.7	6.8	TB Khá	Tốt	
5	Nguyễn Tiến	Dũng	04/9/1996	7.4	7.0	6.3	6.4	5.7	7.8	6.7	5.1	5.6	6.2	TB Khá	Tốt	
6	Huỳnh Bảo	Duy	01/01/1999	8.2	7.0	6.4	4.8	5.4	7.6	6.5	5.0	6.2	6.0	TB Khá	Khá	*
7	Nguyễn Thành	Đạt	22/7/1998	8.2	7.0	6.4	5.4	6.0	7.9	6.8	5.0	7.1	6.4	TB Khá	Tốt	
8	Tô Thái	Đoan	30/3/1997	6.7	6.3	5.8	5.6	5.7	8.0	6.6	5.2	8.1	6.3	TB Khá	Tốt	
9	Lê Nhật	Hào	18/12/1999	7.6	7.0	6.8	6.6	6.1	7.7	7.6	5.1	7.4	6.7	TB Khá	Khá	
10	Phương Vũ	Hào	20/11/1994	7.5	8.0	6.8	5.9	6.4	8.1	6.5	4.4	7.0	6.6	TB Khá	Xuất sắc	*
11	Nguyễn Tâm	Huân	29/06/1998	8.2	6.3	6.2	5.8	6.0	8.0	6.1	5.5	5.7	6.2	TB Khá	Tốt	
12	Trần Quốc	Huy	23/8/1999	6.5	6.5	5.7	5.2	5.8	8.0	6.4	5.1	6.1	6.1	TB Khá	Tốt	
13	Phan Văn	Khá	20/7/1999	7.4	8.0	7.2	6.0	6.1	8.1	7.3	6.0	6.9	6.8	TB Khá	Tốt	
14	Nguyễn Trọng	Khánh	20/11/1998	7.3	7.0	7.3	6.2	6.3	8.0	7.2	3.8	5.6	6.6	TB Khá	Khá	*
15	Dương Trung	Kiên	24/6/1999	7.4	6.3	1.5	0.9	6.8	7.7	6.9	5.0	7.6	5.2	Trung Bình	Trung bình	*
16	Phùng Tuấn	Kiệt	03/8/1996	8.0	7.0	6.8	6.8	6.5	8.3	6.7	5.0	7.2	6.8	TB Khá	Tốt	
17	Khuu Huỳnh Quốc	Lễ	05/11/1999	7.7	6.0	6.6	5.9	6.7	8.4	7.1	4.5	6.9	6.7	TB Khá	Tốt	*
18	Lâm Văn	Liên	02/7/1998	1.4	6.8	6.1	4.1	5.5	7.8	0.0	1.0	5.3	4.7	Yếu	Trung bình	*
19	Nguyễn Chí	Linh	15/7/1998	7.4	7.5	7.0	6.3	6.9	8.3	7.5	5.1	6.2	6.9	TB Khá	Tốt	

20	Nguyễn Nhật	Linh	16/8/1999	8.2	7.3	6.7	7.1	6.8	8.1	6.3	4.0	6.6	6.6	TB Khá	Khá	*
21	Nguyễn Hoàng	Linh	25/7/1996	3.0	0.0	1.5	0.0	2.2	8.1	0.0	0.0	6.4	2.5	Kém	Yếu	*
22	Phạm Minh	Nguyễn	10/01/1998	8.8	8.0	7.3	6.5	7.2	8.0	7.1	5.1	6.5	7.0	Khá	Tốt	
23	Lê Văn	Nuôi	01/01/1996	7.8	7.0	6.8	7.1	5.9	8.0	6.7	0.0	6.2	6.1	TB Khá	Khá	*
24	Nguyễn Văn	Phúc	10/01/1997	8.6	7.8	5.8	5.5	7.0	8.3	6.5	6.5	7.2	6.7	TB Khá	Tốt	
25	Trương Mai Hoàng	Phước	15/4/1998	0.0	0.0	1.9	5.2	6.8	3.3	6.0	0.0	6.0	4.4	Yếu	Trung bình	*
26	Ngô Thành	Quân	21/4/1999	6.8	7.8	7.1	7.3	6.6	8.6	8.1	5.7	7.1	7.2	Khá	Tốt	
27	Danh Minh	Tài	01/01/1999	7.6	6.8	6.7	5.7	6.9	8.0	6.9	6.0	5.9	6.7	TB Khá	Tốt	
28	Lê Hiếu	Tân	22/3/1995	7.0	7.8	6.3	6.9	6.6	8.3	7.1	0.0	6.1	6.2	TB Khá	Xuất sắc	*
29	Lê Minh	Thái	29/7/1999	6.6	7.5	6.7	6.8	6.4	8.0	7.5	5.9	7.4	6.9	TB Khá	Tốt	
30	Trần Phước	Thiện	01/12/1993	2.2	0.0	1.9	0.5	6.9	7.9	6.2	0.3	6.4	4.7	Yếu	Yếu	*
31	Nguyễn Thanh	Trọng	27/12/1997	8.4	7.0	6.2	6.4	7.1	8.0	6.6	5.3	7.2	6.7	TB Khá	Tốt	
32	Nguyễn Hồng Thanh	Vinh	09/6/1998	7.3	7.0	5.7	5.5	5.8	8.0	6.1	5.0	5.9	6.0	TB Khá	Tốt	
33	Lê Văn	Xil	17/12/1998	7.4	7.5	6.9	7.2	7.4	8.3	7.4	7.3	7.8	7.4	Khá	Tốt	

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	33 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	0 hs	Chiếm	0.0%
Khá	3 hs	Chiếm	9.1%
Trung bình khá	24 hs	Chiếm	72.7%
Trung bình	2 hs	Chiếm	6.1%
Yếu	3 hs	Chiếm	9.1%
Kém	1 hs	Chiếm	3.0%

Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Phòng Đào Tạo



Phạm Văn Anh